

Phụ lục I

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024; NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng		8.362.195.900	
1	Kinh phí thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị năm 2025	Văn phòng Huyện ủy	3.862.976.100	
		Hội Liên hiệp Phụ nữ	2.713.926.300	
		Hội Nông dân	1.785.293.500	

Phụ lục II

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024; NGHỊ
ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính		Ghi chú
		Người	Số tiền (đồng)	
	TỔNG CỘNG (I+II):	5	8.362.195.900	
I	Dự toán kinh phí đối với đối tượng nghỉ hưu trước tuổi	5	8.362.195.900	
1	Chế độ cho người có độ tuổi còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu	0	0	
2	Chế độ cho người có tuổi còn từ đủ 02 năm đến 05 năm đến tuổi nghỉ hưu	2	2.658.112.900	
3	Chế độ cho người có tuổi còn trên 5 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu	3	5.704.083.000	

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ , đơn vị công tác	Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi		Tháng nghỉ đúng tuổi	Thời điểm nghỉ thực hiện chính sách 178	Số tháng khi nghỉ hưu để hưởng ND 178	Số tháng nghỉ sớm so với quy định	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên vượt khung (%)	Phụ cấp thâm niên	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề/ưu đãi nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đặc thù đoàn thể chính trị - xã hội	Lương hiện hưởng	Thời gian đóng BHXH bắt buộc tính đến thời điểm nghỉ		Số năm đóng BHXH làm tròn	Trợ cấp 1 lần cho thời gian nghỉ sớm	Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi				Tổng kinh phí	QĐ phê duyệt danh sách
				Năm	Tháng													Số năm về hưu trước tuổi				Trợ cấp nghỉ trước tuổi	Trợ cấp cho thời gian công tác đóng BHXH				
																		Thực tế	Làm tròn								
	Tổng (I+II+III)																				4.710.128.670			2.584.984.896	1.067.082.436	8.362.195.900	
I- Chế độ cho người có độ tuổi còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu																											
II- Chế độ cho người có tuổi còn từ đủ 02 năm đến 05 năm đến tuổi nghỉ hưu																					1.569.040.200,0	7,7	8,0	687.483.342,0	401.589.419,4	2.658.112.900,0	
1	Nguyễn Thị Sâm	4/1971	Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	57	8	692	1/7/2025	650	42	3,66					25%	30%	13.274.820	19	4	19,50	557.542.440	3,50	3,5	232.309.350	82.967.625	872.819.400	QĐ số 3908-QĐ/HU ngày 19/5/2025 của BTV Huyện ủy
2	Phạm Thị Huyền	8/1971	Chuyên viên Hội Nông dân huyện	58	0	696	1/7/2025	646	50	4,98		12%			25%	30%	20.229.955	38	1	38,50	1.011.497.760	4,17	4,5	455.173.992	318.621.794	1.785.293.500	QĐ số 3909-QĐ/HU ngày 19/5/2025 của BTV Huyện ủy
III- Chế độ cho người có tuổi còn trên 5 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu																					3.141.088.470	24	25	1.897.501.554	665.493.017	5.704.083.000	
1	Hà Thị Bình	1/1973	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	58	8	704	1/7/2025	629	75	4,98	0,2	5%			25%	30%	19.690.983	33	9	34,00	1.063.313.082	6,3	6,5	511.965.558	265.828.271	1.841.106.900	QĐ số 3907-QĐ/HU ngày 19/5/2025 của BTV Huyện ủy
2	Nguyễn Tuyết Thanh	8/1974	Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận huyện	59	4	712	1/7/2025	610	102	5,08	0,2				25%	30%	19.150.560	22	2	22,50	1.034.130.240	8,5	8,5	651.119.040	148.416.840	1.833.666.100	QĐ số 1361-QĐ/TU ngày 13/5/2025 của Ban TV Tỉnh ủy
3	Đặng Thủy Huê	02/1975	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	59	8	716	1/7/2025	604	112	4,98	0,15		6%		25%	30%	19.326.762	32	10	33,00	1.043.645.148	9,3	9,5	734.416.956	251.247.906	2.029.310.000	QĐ số 1361-QĐ/TU ngày 13/5/2025 của Ban TV Tỉnh ủy